TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 13-3- 2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Bà Lê Thị Diễm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 550/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Tào Thị Diễm T, sinh năm 1994, hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam; tạm trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mai Trường X, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Tào Thị Diễm T trình bày:

Chị và anh Mai Trường X chung sống từ năm 2011, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ sống và làm công nhân tại Khu công nghiệp T, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, chồng chị thường hay bỏ nhà đi và thường hay đánh chị.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tú S, sinh ngày 30/6/2012, hiện đang sống với anh X.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Trường X. Về con chung: Chị đồng ý để anh X tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2017 bị đơn anh Mai Trường X trình bày:

Nhận thấy thống nhất lời trình bày của chị T về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tào Thị Diễm T.

- Về con chung: Giao anh X tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận anh X không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mai Trường X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Nay chị T anh X cùng có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, anh X vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị mà có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Mai Tú S, sinh ngày 30/6/2012, đang sống với anh X. Khi ly hôn, anh X và chị T cùng có nguyện vọng giao cháu S cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Sương cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh X không yêu cầu. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chị Tào Thị Diễm T được ly hôn đối với anh Mai Trường X.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Tú S, sinh ngày 30/6/2012 cho anh Mai Trường X trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh X không yêu cầu. Chị T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tào Thị Diễm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009235 ngày 18/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Văn Trưởng